

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16... tháng 7... năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Học phần: CD Xử lý số liệu trong phân tích dược(9711311) Khoa : K78

Học kỳ: 2 Năm học: 2024 - 2025

Ngày công bố điểm thi:

04-07-2025

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	Hoàng Vĩnh An	2301006	A4K78	459	7.8	Bảy phẩy Tám	7,8	Bảy tám	
2	Nguyễn Kiều Anh	2301034	A1K78	468	8	Tám điểm	8,0	Tám chẵn	
3	Nguyễn Phương Anh	2301044	A1K78	472	7.5	Bảy phẩy Năm	7,5	Bảy rưỡi	
4	Đoàn Thị Ngọc Ánh	2301082	A4K78	487	8	Tám điểm	8,0	Tám chẵn	
5	Đinh Chí Công	2301121	A3K78	424	8	Tám điểm	8,0	Tám chẵn	
6	Trịnh Hải Đăng	2301131	A1K78	428	6.3	Sáu phẩy Ba	6,3	Sáu ba	
7	Nguyễn Đức Duy	2301182	A4K78	446	6	Sáu điểm	6,0	Sáu chẵn	
8	Trần Thị Mỹ Duyên	2301190	A3K78	449	8	Tám điểm	8,0	Tám chẵn	
9	Phạm Thúy Hằng	2301230	A1K78	385	6.5	Sáu phẩy Năm	6,5	Sáu rưỡi	
10	Nguyễn Thanh Hiền	2301239	A3K78	388	6.5	Sáu phẩy Năm	6,5	Sáu rưỡi	
11	Trần Ngọc Khánh	2301326	A2K78	341	7	Bảy điểm	7,0	Bảy chẵn	
12	Nguyễn Thị Thùy Linh	2301384	A3K78	360	5	Năm điểm	5,0	Năm chẵn	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
13	Nguyễn Phương Mai	2301437	A4K78	305	6.5	Sáu phẩy Năm	9,3	Chín ba	Vào nhầm phách
14	Nguyễn Thị Mỹ	2301477	A1K78	318	6.8	Sáu phẩy Tám	6,8	Sáu tám	
15	Lê Nguyễn Bích Ngọc	2301509	A4K78	262	6	Sáu điểm	6,0	Sáu chẵn	
16	Nguyễn Hoàng Phúc	2301559	A4K78	281	8	Tám điểm	8,0	Tám chẵn	
17	Lê Như Quỳnh	2301602	A4K78	294	6.5	Sáu phẩy Năm	6,5	Sáu rưỡi	
18	Trần Văn Sơn	2301617	A4K78	221	8.3	Tám phẩy Ba	8,3	Tám ba	
19	Nguyễn Thị Anh Thư	2301676	A1K78	248	6.5	Sáu phẩy Năm	6,5	Sáu rưỡi	
20	Nguyễn Thị Thủy	2301688	A1K78	255	5.8	Năm phẩy Tám	5,8	Năm tám	
21	Nguyễn Xuân Toán	2301702	A2K78	257	6	Sáu điểm	6,0	Sáu chẵn	
22	Trần Thị Trúc	2301742	A2K78	194	7.3	Bảy phẩy Ba	7,3	Bảy ba	
23	Phạm Văn Tùng	2301761	A4K78	201	7.5	Bảy phẩy Năm	7,5	Bảy rưỡi	
24	Lâm Tường Vy	2301779	A4K78	210	6.3	Sáu phẩy Ba	6,3	Sáu ba	
25	Nguyễn Huyền Vy	2301780	A1K78	211	4.8	Bốn phẩy Tám	4,8	Bốn tám	

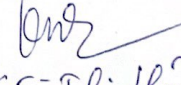
GIÁO VỤ KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đặng T. Ngọc Lan

TRƯỜNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Nguyễn Hà

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&KT
(Ký và ghi rõ họ tên)


Kiều Thị Hồng